

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHO
TÊN MÔN HỌC: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
M? MÔN H OC : CIE-448

HỌC KỲ	5
TÍN CHỈ	2
LẦN THI	1

Ngày thi: 30/11/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú		
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ	
					20				25				55	100			
1	169211550	LÊ NGỌC	SƠN	D16XDD2	9				8				8.5	8.5	Tầm pháp	Nằm	
2	169211576	NGUYỄN NGỌC	TRƯỜNG	D16XDD2	7				6				7	6.8	Sâu pháp	Tầm	
3	169211527	TRẦN NGỌC	NHẬT	D16XDD2	8				8				8.5	8.3	Tầm pháp	Ba	
4	169211500	NGUYỄN CÔNG	HỮU	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tầm pháp	Bầu	
5	169211518	NGUYỄN ĐỨC	LYNH	D16XDD1	10				8				8.5	8.7	Tầm pháp	Bay	
6	169211544	ĐỖ MINH	QUANG	D16XDD2	10				9				8.5	8.9	Tầm pháp	Chên	
7	169211558	NGUYỄN TRỌNG	THANH	D16XDD2	9				9				8	8.5	Tầm pháp	Nằm	
8	169211547	DO?N ĐỨC	SINH	D16XDD2	10				9				8	8.7	Tầm pháp	Bay	
9	169211561	HỒ VĂN	THÔNG	D16XDD2	9				7.5				7	7.5	Bay pháp	Nằm	
10	169211587	LÊ MINH	VƯƠNG	D16XDD2	10				9				7	8.1	Tầm pháp	Mắt	
11	169211493	LÊ MINH	HOÀNG	D16XDD1	10				8				7.5	8.1	Tầm pháp	Mắt	
12	169211566	LÊ ĐỨC	T?NH	D16XDD2	10				8				7	7.9	Bay pháp	Chên	
13	169211580	BÙI THANH	TUẤN	D16XDD2	10				8				7.5	8.1	Tầm pháp	Mắt	
14	169211519	PHẠM	MẮN	D16XDD1	10				8				7	7.9	Bay pháp	Chên	
15	169211525	PHẠM TRƯỜNG	NGÂN	D16XDD1	10				8				6.5	7.6	Bay pháp	Sâu	
16	169211531	THÁI DUY	PHÓ	D16XDD2	8				7.5				6.5	7.1	Bay pháp	Mắt	
17	169211486	NGUYỄN VĂN	HẠNH	D16XDD1	7.5				7.5				7.5	7.5	Bay pháp	Nằm	
18	169211499	PHAN ĐỨC	HỮU	D16XDD1	7.5				7.5				7.5	7.5	Bay pháp	Nằm	
19	152210132	ĐỖ HOÀNG	LONG	D16XDD1	7.5				7.5				7.5	7.5	Bay pháp	Nằm	
20	169211523	NGUYỄN VĂN	NAM	D16XDD1	8				8				7	7.5	Bay pháp	Nằm	
21	169211538	LÊ DUY	PHƯƠNG	D16XDD2	7.5				7.5				7	7.2	Bay pháp	Hai	
22	169211543	ĐINH TRẦN	QUANG	D16XDD2	7.5				7.5				7	7.2	Bay pháp	Hai	
23	169211457	V? NG OC	BA	D16XDD1	7.5				7.5				7	7.2	Bay pháp	Hai	
24	169211488	TRẦN VĂN	HIỆP	D16XDD1	7.5				7.5				6.5	7.0	Bay		
25	169211529	TRẦN VĂN	PHÁP	D16XDD2	8				8				7	7.5	Bay pháp	Nằm	
26	169211537	ĐẶNG	PHƯƠNG	D16XDD2	8.5				8.5				7	7.7	Bay pháp	Bay	
27	169211546	V? TI ẾN	QUỐC	D16XDD2	8				8				7	7.5	Bay pháp	Nằm	
28	169211564	LÊ TRUNG	TIẾN	D16XDD2	8				8				7.5	7.7	Bay pháp	Bay	
29	169211533	MAI LY	PHÔN	D16XDD2	7.5				7.5				6.5	7.0	Bay		
30	169211534	PHẠM NGỌC	PHÚC	D16XDD2	8				8				7	7.5	Bay pháp	Nằm	
31	169211460	V? NH Ứ THÁI	B?NH	D16XDD1	10				9				8.5	8.9	Tầm pháp	Chên	
32	169211470	ĐẶNG MINH	CƯỜNG	D16XDD1	10				8.5				8	8.5	Tầm pháp	Nằm	
33	169211472	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	D16XDD1	10				8.5				8	8.5	Tầm pháp	Nằm	
34	169211475	VŨ VĂN	DUẤN	D16XDD1	8				7				8	7.8	Bay pháp	Tầm	
35	169211489	NGUYỄN THANH	HIẾU	D16XDD1	10				9				8.5	8.9	Tầm pháp	Chên	
36	169211491	TRỊNH VĂN	H?A	D16XDD1	9				7				8	8.0	Tầm		
37	169211504	TÔ	KHUY?NG	D16XDD1	10				8.5				8	8.5	Tầm pháp	Nằm	
38	169211582	PHAN THỊ THẢO	UYÊN	D16XDD2	10				8.5				8	8.5	Tầm pháp	Nằm	
39	169211553	LƯƠNG XUÂN	TÂM	D16XDD2	9				8				7.5	7.9	Bay pháp	Chên	
40	152211728	TRƯỜNG QUANG	B?NH	D16XDD1	8				7.5				7	7.3	Bay pháp	Ba	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ D16XDD										HỌC KỲ		5	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN MÔN HỌC:	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP										TÍNH CHỈ		2
Ngày thi:				M? MÔN H Q C :	CIE-448										LẦN THI		1
Ngày thi: 30/11/2012																	
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	169211461	PHẠM ĐỨC	B?NH	D16XDD1	9				8				7.5	7.9	Báý pháý Chèn		
42	169211463	TRẦN VĂN	CHÁNH	D16XDD1	9				7				7	7.4	Báý pháý Bắú		
43	169211471	BÙI THANH	DANH	D16XDD1	9				8				7.5	7.9	Báý pháý Chèn		
44	169211479	TRỊNH ANH	DỪNG	D16XDD1	9				8				7.5	7.9	Báý pháý Chèn		
45	169211501	ĐÀO HY	HUY	D16XDD1	9				8				8	8.2	Tẳm pháý Hai		
46	169211514	PHAN CÔNG	LUÂN	D16XDD1	8				8				7.5	7.7	Báý pháý Báý		
47	169211510	NGUYỄN Đ?NH	LONG	D16XDD1	9				9				8	8.5	Tẳm pháý Nằm		
48	169211512	TRẦN VĂN	LONG	D16XDD1	8				8				7	7.5	Báý pháý Nằm		
49	152210072	PHAN VĂN	SÁNG	D16XDD2	9				9				8	8.5	Tẳm pháý Nằm		
50	169211552	HOÀNG	TÂM	D16XDD2	9				9				8	8.5	Tẳm pháý Nằm		
51	169211473	NGUYỄN ĐỨC SỈ	DIỆN	D16XDD1	9				9				8	8.5	Tẳm pháý Nằm		
52	169211490	NGUYỄN VĂN	HIẾU	D16XDD1	9				9				8	8.5	Tẳm pháý Nằm		
53	169211548	LÊ VIỆT	SƠN	D16XDD2	9				9				8	8.5	Tẳm pháý Nằm		
54	152210113	TRẦN MINH	KHANG	D16XDD2	7				7				6.5	6.7	Sầu pháý Báý		
55	169211483	HOÀNG THỊ THU	HÀ	D16XDD1	10				8.5				8	8.5	Tẳm pháý Nằm		
56	169211554	LÊ VĨNH	THẮNG	D16XDD2	8.5				8				7.5	7.8	Báý pháý Tẳm		
57	169211565	NGUYỄN NGỌC	TIN	D16XDD2	10				8				8.5	8.7	Tẳm pháý Báý		
58	169211586	NGUYỄN ANH	VŨ	D16XDD2	8.5				7.5				8	8.0	Tẳm		
59	169221630	ĐOÀN VĂN	VUI	D16XDD2	8.5				8				8	8.1	Tẳm pháý Mắú		
60	169211480	NGUYỄN HỒ ANH	DUY	D16XDD2	10				8.5				7	8.0	Tẳm		
61	169211541	NGUYỄN QUANG	QUÂN	D16XDD2	8.5				8				8	8.1	Tẳm pháý Mắú		
62	169211556	TRẦN PHƯƠNG	THANH	D16XDD2	10				8.5				8	8.5	Tẳm pháý Nằm		
63	169211549	TRẦN NGỌC	SƠN	D16XDD2	9				8				8	8.2	Tẳm pháý Hai		
64	169211551	HOÀNG THANH	SỰ	D16XDD2	6				6				7	6.6	Sầu pháý Sầu		
65	169211568	PHAN VĂN	TOÀN	D16XDD2	6				6				6	6.0	Sầu		
66	169211485	HUỲNH LÊ VĂN	HẢI	D16XDD1	8				8				7	7.5	Báý pháý Nằm		
67	169221623	NGUYỄN TRUNG	TÍN	D16XDD2	9				8				7.5	7.9	Báý pháý Chèn		
68	152210106	LƯU THANH	TUẤN	D16XDD2	7				8				6	6.7	Sầu pháý Báý		
69	169211583	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	D16XDD2	9				8				7.5	7.9	Báý pháý Chèn		
70	169211492	NGUYỄN THỊ	H?A	D16XDD1	10				9				8	8.7	Tẳm pháý Báý		
71	169211462	NGUYỄN VĂN	CAO	D16XDD1	10				8.5				7.5	8.3	Tẳm pháý Ba		
72	169211464	PHẠM NGỌC	CHÂU	D16XDD1	9				8				7.5	7.9	Báý pháý Chèn		
73	169211466	PHAN NGUYỄN THANH	CHUÔNG	D16XDD1	10				8.5				8	8.5	Tẳm pháý Nằm		
74	169221596	PHAN LÊ NGHĨA	HIỆP	D16XDD1	10				8				7.5	8.1	Tẳm pháý Mắú		
75	169211508	PHẠM THẾ	LINH	D16XDD1	9				8.5				8	8.3	Tẳm pháý Ba		
76	169211521	LÊ TỰ QUỐC	MINH	D16XDD1	9				8				7.5	7.9	Báý pháý Chèn		
77	169211484	HỨA HÙNG	HÀ	D16XDD1	7				7.5				7	7.1	Báý pháý Mắú		
78	169211532	NGUYỄN NGỌC	PHỔ	D16XDD2	7				7				7	7.0	Báý		
79	169211545	TRẦN	QUANG	D16XDD2	8				8				6	6.9	Sầu pháý Chèn		
80	169211569	NGUYỄN MINH	TRÍ	D16XDD2	8				7.5				7	7.3	Báý pháý Ba		
81	169211571	HỒ CÔNG	TR?NH	D16XDD2	7.5				7				6	6.6	Sầu pháý Sầu		
82	169211575	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	D16XDD2	7				7.5				6.5	6.9	Sầu pháý Chèn		
83	169211578	NGUYỄN ANH	TÚ	D16XDD2	7.5				7.5				6	6.7	Sầu pháý Báý		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
84	169211585	V? HOÀNG	VŨ	D16XDD2	9				8				7	7.7	Baý pháý Baý		
85	169211474	NGÔ Đ?NH	ĐỊU	D16XDD1	9				8				7.5	7.9	Baý pháý Chèn		
86	169211511	LÊ BÁ	LONG	D16XDD1	9				8				7	7.7	Baý pháý Baý		
87	169211581	LƯU GIAI	TUẤN	D16XDD2	9				8				7	7.7	Baý pháý Baý		
88	169211497	TRẦN THANH	HÔNG	D16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng		
89	169211526	LÊ HỮU	NGHĨA	D16XDD2	7				6				6	6.2	Saũ pháý Hai		
90	169211572	NGUYỄN NHƯ	TRUNG	D16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	88	98%	
2	Số sinh viên nợ	2	2%	
TỔNG CỘNG :		90	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 12 năm 2012

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Hữu Phú